|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc** |
| Số: *840* /LĐTBXH-BHXH | *Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2016* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực**

**bảo hiểm xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước**

**của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm xã hội và Vụ trưởng Vụ Pháp chế

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực bảo hiểm xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm xã hội, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Bộ trưởng (để b/c); Các Thứ trưởng;  - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);  - UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Lưu: VT, BHXH, PC | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Phạm Minh Huân** |

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI[[1]](#footnote-2)**

**Lĩnh vực: Bảo hiểm xã hội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 840/QĐ-LĐTBXH ngày 28 tháng 06 năm 2016 của*

*Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên TTHC** | **Lĩnh vực** | **Cơ quan thực hiện[[2]](#footnote-3)** | **Ghi chú** |
| 1 | Đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc lần đầu | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 2 | Đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện lần đầu | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 3 | Cấp lại sổ bảo hiểm xã hội | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 4 | Điều chỉnh thông tin tham gia bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 5 | Điều chỉnh thông tin tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 6 | Hưởng chế độ ốm đau | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 7 | Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ mang thai, lao động nữ mang thai hộ khi khám thai, sẩy thai, nạo hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 8 | Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ sinh con | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 9 | Hưởng chế độ thai sản đối với người lao động nhận nuôi con nuôi | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 10 | Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nam nghỉ việc khi vợ sinh con; người chồng khi lao động nữ mang thai hộ sinh con | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 11 | Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ mang thai hộ khi sinh con | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 12 | Hưởng chế độ thai sản đối với người mẹ nhờ mang thai hộ khi lao động nữ mang thai hộ sinh con | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 13 | Hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 14 | Hưởng lương hưu đối với người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 15 | Hưởng lương hưu đối với người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 16 | Hưởng bảo hiểm xã hội một lần | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 17 | Hưởng trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng ra nước ngoài để định cư | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 18 | Hưởng chế độ tử tuất đối với người đang đóng bảo hiểm xã hội và người bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội chết | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 19 | Hồ sơ hưởng chế độ tử tuất của người đang hưởng hoặc đang tạm dừng hưởng lương hưu, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng chết | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 20 | Hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng đối với người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp và người bị Tòa án tuyên bố là mất tích trở về | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 21 | Chuyển nơi hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 22 | Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 23 | Tính thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội đối với người lao động làm việc thuộc khu vực nhà nước, nghỉ chờ việc từ ngày 01 tháng 01 năm 1987 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 24 | Tính thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội đối với người đi lao động có thời hạn ở nước ngoài trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 theo Hiệp định của Chính phủ và của người đi làm đội trưởng, phiên dịch, cán bộ vùng do nước ngoài trả lương | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 25 | Tính thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội đối với người đi làm việc ở nước ngoài trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 theo hình thức hợp tác trực tiếp giữa các Bộ, địa phương của Nhà nước ta với các tổ chức kinh tế của nước ngoài | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 26 | Tính thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội đối với người đi học, thực tập ở nước ngoài trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 27 | Tính thời gian công tác để hưởng bảo hiểm xã hội đối với người đi làm chuyên gia theo Hiệp định của Chính phủ trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 28 | Hưởng chế độ tử tuất đối với thân nhân của người lao động đi hợp tác lao động ở nước ngoài trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 đã chết sau khi về nước nhưng thân nhân chưa được hưởng chế độ tử tuất | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 29 | Hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |
| 30 | Đăng ký lại phương thức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện | Bảo hiểm xã hội | Cơ quan bảo hiểm xã hội |  |

1. Đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân thực hiện theo thủ tục hành chính do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an công bố; Thủ tục hành chính về chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của bảo hiểm xã hội bắt buộc được thực hiện theo Luật An toàn, vệ sinh lao động. [↑](#footnote-ref-2)
2. Theo phân cấp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam [↑](#footnote-ref-3)